

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THUẬN AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 26/2023/DS-ST
Ngày: 11-5-2023
V/v tranh chấp hợp đồng
mua bán hàng hóa.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Trọng Quân.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Nguyệt và bà Trần Ngọc Phương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Cảnh Khang, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Lý Loan, Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 5 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thuận An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 275/2022/TLST-DS ngày 28 tháng 11 năm 2022 về tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2023/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Lê Văn D, sinh năm 1991; địa chỉ thường trú: X, Y, Z, Lô A, KDC B, Ấp M, huyện BC, Tp. Hồ Chí Minh; địa chỉ liên hệ: U, TQL, Phường R, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Duy SN, sinh năm 1998 và ông Nguyễn TT, sinh năm 2002; cùng địa chỉ: U, TQL, Phường R, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh (Giấy ủy quyền ngày 17/8/2022). Có yêu cầu xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Công ty TNHH MV; địa chỉ: Thửa đất số K, tờ bản đồ H, khu phố P, phường VP, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương. Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Phi L, sinh năm 1989; chức vụ: Chủ tịch hội đồng thành viên kiêm Giám đốc. Vắng mặt lần thứ 2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26/7/2022, bản tự khai ngày 04/01/2023 nguyên đơn trình bày:

Ngày 13 tháng 04 năm 2022, ông Lê Văn D (Gọi tắt là nguyên đơn) và Công ty TNHH Mái Việt (Gọi tắt là bị đơn) có ký kết Hợp đồng mua bán số 15/TPHCM – 04/2022/NR về việc bị đơn cung cấp và lắp đặt hệ thống mái trượt giếng trời điều khiển tự động cho nguyên đơn, tổng giá trị hợp đồng là 30.725.000 đồng.

Sau khi ký hợp đồng, nguyên đơn đã chuyển tiền thanh toán đợt 1 cho bị đơn số tiền là 15.375.000 đồng; tuy nhiên, sau khi nhận được số tiền nêu trên bị đơn không tiến hành thực hiện công việc như đã thỏa thuận. Cụ thể, nguyên đơn thường xuyên liên lạc bằng nhiều biện pháp như nhắn tin, gọi điện thoại đề cập đến việc thực hiện “lắp đặt hệ thống mái trượt giếng trời” nhưng bị đơn chỉ hứa hẹn và không có mặt cũng như không thiện chí để thực hiện công việc.

Theo nội dung ký kết hợp đồng, bị đơn phải triển khai thi công cho nguyên đơn trong vòng 15 ngày kể từ ngày nguyên đơn thanh toán đủ số tiền Đợt 1 nhưng bị đơn nhiều lần trốn tránh, không thực hiện công việc. Do bị đơn không thực hiện công việc theo hợp đồng đã dẫn đến hậu quả công trình nhà của nguyên đơn: Hồng thạch cao, hư hỏng nước sơn,... do nước mưa ngấm vào. Nguyên đơn nhiều lần nhắn tin cho bị đơn về việc nguyên đơn sẽ chấm dứt hợp đồng và yêu cầu bị đơn trả lại số tiền 15.375.000 đồng thì bị đơn có trả lời là thiết bị thực hiện cho việc lắp đặt đã có nên không chấp nhận việc hủy hợp đồng và không trả lại số tiền nguyên đơn đã thanh toán. Nguyên đơn cũng yêu cầu là bị đơn có thể mang số thiết bị, vật liệu phục vụ cho việc lắp đặt hệ thống đến giao cho nguyên đơn nếu không tiến hành được công việc lắp đặt, nhưng cho đến nay bên Bị đơn vẫn không giao thiết bị, vật tư, kể cả việc trả lại tiền.

Nguyên đơn cho rằng Bị đơn đã thể hiện thái độ không hợp tác, không tiến hành theo những nội dung thỏa thuận trong hợp đồng. Nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc bị đơn phải hoàn trả cho nguyên đơn số tiền 15.375.000 đồng mà nguyên đơn đã thanh toán Đợt 1, ngoài ra không còn yêu cầu gì khác.

Bị đơn do ông Nguyễn Phi L đại diện theo pháp luật đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không có mặt. Tại bản tự khai ngày 12/12/2022, ông Nguyễn Phi L có trình bày:

Vào ngày 13/4/2022, nguyên đơn và bị đơn có ký hợp đồng mua bán số 15/TPHCM-04/2022/NR về việc Bị đơn cung cấp gia công lắp đặt hệ thống mái trượt giếng trời điều khiển tự động cho nguyên đơn. Vào ngày 06/5/2022, qua ứng dụng Zalo, nguyên đơn thông báo cho bị đơn về việc có thể tiến hành lắp đặt. Sản phẩm được triển khai gia công và kính đã đặt hàng tại công ty kính nên bị đơn xác nhận sẽ sắp xếp lịch thi công vào tuần sau. Vào ngày 08/5/2022, hai bên có trao đổi qua điện thoại và tin nhắn trên ứng dụng Zalo, nguyên đơn lo ngại nếu lắp đặt giếng trời trước sẽ ảnh hưởng đến việc lắp đặt khung thang máy nên nguyên đơn có yêu cầu tạm ngưng việc lắp đặt mái giếng trời để chờ thang máy lắp đặt trước xong sẽ báo cho bị đơn để sắp xếp lắp đặt hệ thống giếng trời sau. Do đó bị đơn ngưng triển khai thợ thi công theo kế hoạch và cho thợ làm các công trình khác. Vào ngày 17/5/2022, nguyên đơn có nhắn do lo ngại trời mưa nên báo cho bị đơn để sắp xếp thi công giếng trời, bị đơn cũng trao đổi với nguyên đơn rằng ngay tại thời điểm đó thợ đang làm dở dang công trình khác, phải hoàn thiện xong mới có thể lắp đặt cho nguyên đơn, bị đơn cũng mua bạt để mang đến che lại cho đỡ mưa và hẹn nguyên đơn dang tuần sau sẽ sắp xếp cho thợ đến thi công lắp đặt, nguyên đơn đã đồng ý. Tuy nhiên, vào ngày 21/5/2022, nguyên đơn liên tục nhắn tin yêu cầu bị đơn phải làm ngay và ngưng công trình khác đang dang dở, nếu không nguyên đơn sẽ ngưng hợp đồng và yêu cầu bị đơn phải hoàn trả số tiền đã đặt cọc. Bị đơn có trả lời cho nguyên đơn về tiến độ không thể bỏ dở công trình đang thi công, phải hoàn thiện mới có thể làm cho nguyên đơn và báo cho nguyên đơn sẽ thi công lắp đặt cho nguyên đơn vào ngày 28/5/2022. Còn phần mái giếng trời là sản phẩm được gia công cho công trình nhà của nguyên đơn, không phải

là sản phẩm làm sẵn, nếu nguyên đơn hủy đơn hàng thì bị đơn cũng không thể lắp cho công trình khác được nên bị đơn không đồng ý trả lại tiền đặt cọc. Ngày 23/5/2022, nguyên đơn một lần nữa yêu cầu hủy hợp đồng và trả lại tiền, ngoài ra còn thông báo sẽ kiện bị đơn tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Bị đơn cũng đã rất thiện chí khi giải thích cho nguyên đơn về việc khung kính đã gia công nên không thể trả lại tiền cho nguyên đơn và mong muốn được tiếp tục lắp đặt, hoàn thiện sản phẩm nhưng nguyên đơn không đồng ý. Bị đơn đề nghị Tòa án xem xét giải quyết để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An phát biểu:

- Về tố tụng, quá trình từ khi thụ lý vụ án cho đến khi kết thúc tranh luận Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; các đương sự không bị hạn chế quyền khi tham gia tố tụng; bị đơn đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không chấp hành mà chỉ gửi bản tự khai và vắng mặt là tự từ bỏ quyền chứng minh, tranh tụng của mình nên Tòa án xét xử vụ án vắng mặt bị đơn là đúng quy định.

- Về nội dung: Đương sự ký hợp đồng mua bán số 15/TPHCM-04/2022/NR ngày 13/4/2022 về việc bị đơn bán và thi công lắp đặt hệ thống mái che giếng trời điều khiển tự động cho nguyên đơn. Sau khi ký hợp đồng, bị đơn không tiến hành thi công lắp đặt cho nguyên đơn nên đã vi phạm hợp đồng. Vì vậy, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lại số tiền đã thanh toán đợt 1 là 15.375.000 đồng là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt; Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hợp đồng dân sự mua bán hàng hóa theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 430 của Bộ luật Dân sự năm 2015; bị đơn là Công ty TNHH MV có trụ sở tại phường Vĩnh Phú, thành phố Thuận An nên Tòa án nhân dân thành phố Thuận An thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu và chứng cứ của nguyên đơn:

Ngày 13/4/2022 hai bên đương sự ký hợp đồng mua bán số 15/TPHCM-04/2022/NR về việc bị đơn bán và thi công lắp đặt hệ thống mái che giếng trời điều khiển tự động cho nguyên đơn. Ngày 15/4/2022, nguyên đơn thanh toán đợt 1 cho bị đơn số tiền 15.375.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản của ông Nguyễn Phi Long. Tuy nhiên, sau khi ký hợp đồng và nhận tiền đợt 1, hai bên có nhiều lần nhắn tin qua ứng dụng zalo về việc thỏa thuận thời gian thi công lắp đặt nhưng sau

đó bị đơn không thực hiện. Vì vậy, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lại số tiền đã thanh toán đợt 1 là 15.375.000 đồng. Tại bản tự khai, bị đơn thừa nhận việc hai bên ký hợp đồng mua bán và đã nhận số tiền 15.375.000 đồng thanh toán đợt 1 như nguyên đơn đã trình bày. Do đó, đây là tình tiết không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Theo thỏa thuận của các bên trong hợp đồng, bị đơn bán và chịu trách nhiệm lắp đặt hoàn thiện cho nguyên đơn hệ thống mái trượt giếng trời điều khiển tự động với giá 30.725.000 đồng. Thanh toán làm 03 đợt: Đợt 1 tạm ứng 50% giá trị hợp đồng tương đương số tiền 15.375.000 đồng sau khi ký hợp đồng; Đợt 2 thanh toán 30% giá trị hợp đồng tương đương 9.000.000 đồng sau khi bị đơn tập kết vật tư và tiến hành thi công hoàn thiện phần khu cơ khí, lắp đặt motor, kính và thiết bị điều khiển; Đợt 3 sẽ thanh toán hết 10% giá trị hợp đồng sau khi nghiệm thu bàn giao. Thời hạn thực hiện hợp đồng được quy định tại Điều 3, mục 3.1 của hợp đồng: “Bên B sẽ triển khai thi công hệ thống cho bên A trong vòng 15 ngày kể từ ngày bên A thực hiện đầy đủ việc thanh toán đợt 1”. Thực hiện hợp đồng, ngày 15/4/2022, nguyên đơn thanh toán đợt 1 cho bị đơn số tiền nêu trên bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản của ông Nguyễn Phi Long. Theo thỏa thuận trong hợp đồng, đến ngày 30/4/2022, bị đơn phải thực hiện thi công, lắp đặt hệ thống mái trượt giếng trời cho nguyên đơn. Nhưng theo các tin nhắn trên ứng dụng zalo do nguyên đơn và bị đơn cung cấp, đến ngày 23/5/2022, bị đơn vẫn chưa tiến hành thi công, lắp đặt cho nguyên đơn theo thỏa thuận trong hợp đồng. Do đó, bị đơn đã vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng số 15/TPHCM-04/2022/NR ngày 13/4/2022, vì vậy nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả lại số tiền đã thanh toán đợt 1 là có căn cứ, ngoài ra, nguyên đơn không còn yêu cầu gì khác nên không xem xét.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp quy định của pháp luật.

Từ những nhận xét nêu trên có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – ông Lê Văn D, buộc Công ty TNHH MV phải trả cho ông Lê Văn D số tiền 15.375.000 đồng.

[3] Về án phí sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả cho nguyên đơn theo quy định của pháp luật; trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 92; Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Các điều 385, 398, 401, 422, 424, 427, 428, 430, 434 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – ông Lê Văn D đối với bị đơn - Công ty TNHH MV về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa.

Buộc Công ty TNHH MV phải trả cho ông Lê Văn D số tiền 15.375.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được yêu cầu thi hành án có đơn yêu cầu thi hành cho đến khi thi hành xong, nếu người phải thi hành chậm thi hành thì còn phải chịu lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành.

2. Về án phí:

Công ty TNHH MV phải chịu 768.750 đồng (Bảy trăm sáu mươi tám nghìn, bảy trăm năm mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm;

Trả lại cho ông Lê Văn D số tiền 384.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền số 0003608 ngày 21/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thuận An;
- Chi cục THADS thành phố Thuận An;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Vũ Trọng Quân